



Philips GreenPerform Elite Highbay G2: Đèn LED chiếu sáng kho xưởng linh hoạt với các lựa chọn UltraEfficient cùng khả năng kết nối đón đầu tương lai

GreenPerform Elite Highbay G2

GreenPerform Elite Highbay G2 là bước đột phá mới nhất trong dòng sản phẩm đèn chiếu sáng kho xưởng rất thành công của chúng tôi, được thiết kế tối ưu cho không gian trần cao và các ứng dụng công nghiệp. GreenPerform Elite Highbay G2 kế thừa và nâng cấp thiết kế độc đáo của các thế hệ trước với vỏ đèn liền khối và quang học phẳng. Tính thẩm mỹ sạch sẽ và hấp dẫn của nó hoạt động hoàn hảo trong ứng dụng công nghiệp cũng như ứng dụng trần cao ở sân bay, sảnh và các khu vực trong nhà khác. Đèn chiếu sáng đa năng này có nhiều tính năng thiết thực, bao gồm chất lượng ánh sáng tuyệt vời, tiết kiệm năng lượng vượt trội, tuổi thọ cao với mức giá phải chăng và nhiều gói quang học và lumen khác nhau. GreenPerform Elite Highbay G2 còn cung cấp các tùy chọn kết nối nâng cao với các hệ thống và ứng dụng phần mềm dựa trên IoT, bao gồm cả Interact Pro. Nếu bạn đang tìm kiếm một giải pháp mạnh mẽ, đáng tin cậy, dễ lắp đặt với nhiều ưu điểm về kết nối thì GreenPerform Elite Highbay G2 chính là sự lựa chọn thông minh.

GreenPerform Elite Highbay G2

Lợi ích

- Tính thẩm mỹ độc đáo với chất lượng ánh sáng vượt trội
- Mạnh mẽ và đáng tin cậy, có tuổi thọ cao
- Có phiên bản UltraEfficient với hiệu suất cao và tiết kiệm năng lượng vượt trội
- Nhiều gói lumen và quang học mở ra nhiều ứng dụng tiềm năng
- Sẵn sàng kết nối với các ứng dụng phần mềm IoT dựa trên đám mây, bao gồm Interact Pro

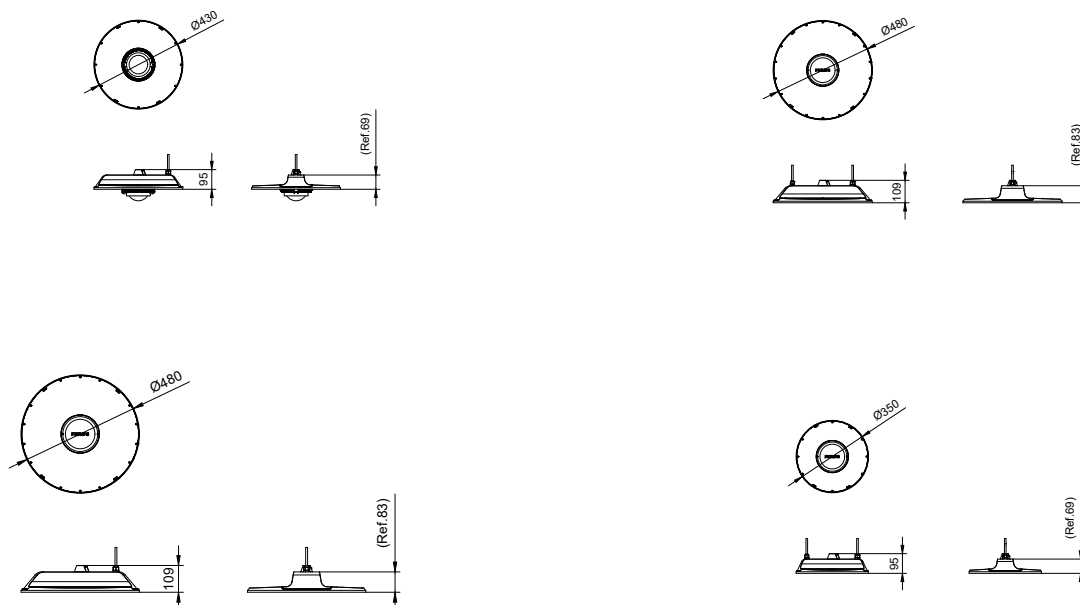
Tính năng

- Phiên bản UltraEfficient cung cấp hiệu suất 190lm/W và lên tới 200lm/W dựa trên cấu hình tùy chọn.
- Tuổi thọ dài 100.000 giờ (L70B50 @Ta 35°C)
- Các gói quang thông đa dạng từ 10.000 lm đến 40.000 lm
- Ánh sáng không nhấp nháy, UGR25 trên WB và UGR22 trên NB mang lại sự thoải mái cho thị giác vượt trội
- Xếp hạng bảo vệ chống xâm nhập cao IP66 và xếp hạng bảo vệ tác động cao IK08
- Nhiều loại quang học cho nhiều ứng dụng khác nhau
- Có thể lắp đặt bằng dây xích treo, bắt vào ống và gắn nổi

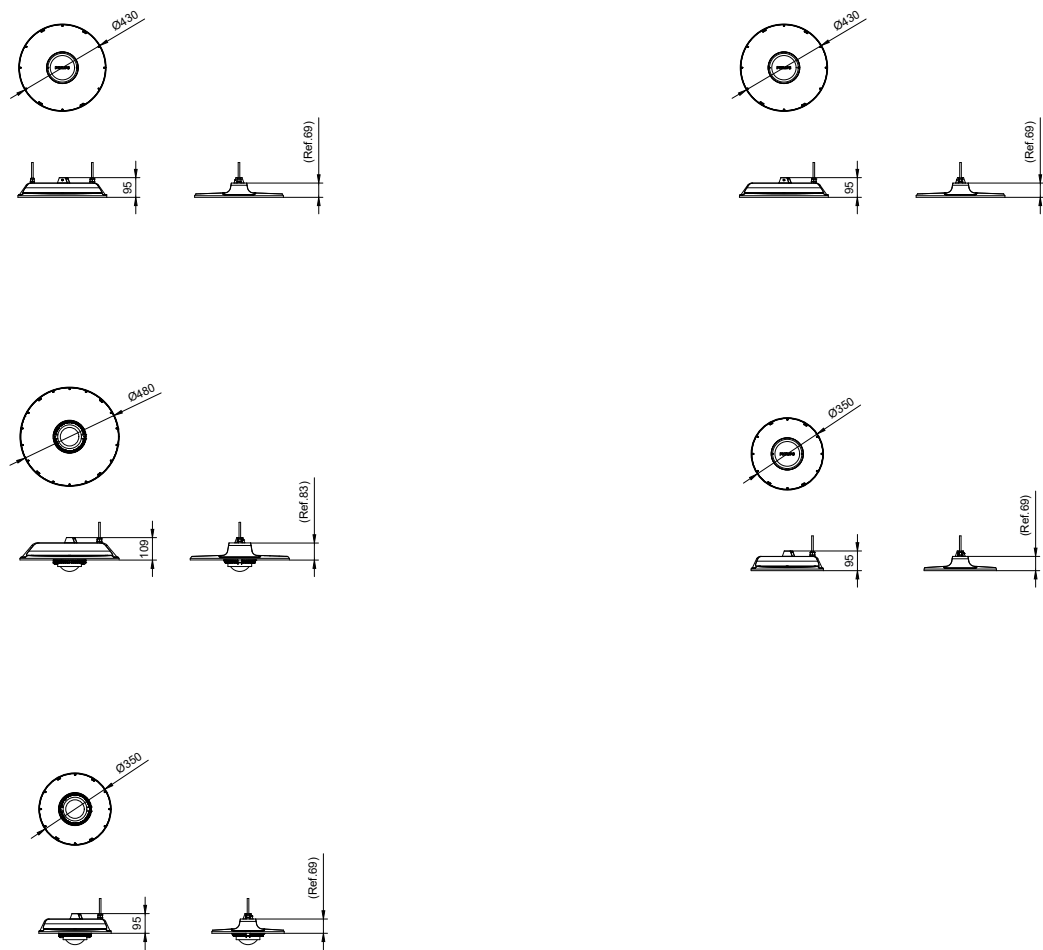
Ứng dụng

- Nhà kho
- Sản xuất
- Chế biến thực phẩm
- Sân bay
- Hành lang

Bản vẽ kích thước



Bản vẽ kích thước



Thông tin chung	
Bao gồm bộ điều khiển	Có
Thế dịch vụ	Có
Thông tin kỹ thuật về đèn	
Chỉ số hoàn màu (CRI)	80
Số lượng nguồn sáng	1
Vận hành và điện	
Cấp bảo vệ IEC	Cấp an toàn I
Tần số dòng	50 to 60 Hz
Phù hợp với bật/tắt ngẫu nhiên	Có
Cơ khí và vỏ đèn	
Kiểu chụp quang học	Polycarbonate
Màu vỏ đèn	Xám
Phê duyệt và ứng dụng	
Dấu CE	Có
Dấu ENEC	-
Ký hiệu tính dễ cháy	-
Thử nghiệm sợi dây phát sáng	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây
Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)	
Dung sai quang thông	-10% / +10%

Thông tin chung

Order Code	Full Product Name	Bộ điều khiển	Số lượng bộ điều khiển
911401631809	BY778X LED100/NW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401631909	BY778X LED100/NW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401632009	BY778X LED100/CW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401632109	BY778X LED100/CW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401632209	BY778X LED150/NW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401632309	BY778X LED150/NW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401632409	BY778X LED150/CW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401632509	BY778X LED150/CW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401632609	BY778X LED200/NW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401632709	BY778X LED200/NW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401632809	BY778X LED200/CW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401632909	BY778X LED200/CW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401633009	BY778X LED250/NW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401633109	BY778X LED250/NW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401633209	BY778X LED250/CW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401633309	BY778X LED250/CW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401633809	BY778X LED350/NW SIA WB	EBR	2 thiết bị
911401633909	BY778X LED350/NW SIA NB	EBR	2 thiết bị
911401634009	BY778X LED350/CW SIA WB	EBR	2 thiết bị
911401634109	BY778X LED350/CW SIA NB	EBR	2 thiết bị
911401634209	BY778X LED400/NW SIA WB	EBR	2 thiết bị
911401634309	BY778X LED400/NW SIA NB	EBR	2 thiết bị
911401634409	BY778X LED400/CW SIA WB	EBR	2 thiết bị
911401634509	BY778X LED400/CW SIA NB	EBR	2 thiết bị
911401639109	BY778X LED280/NW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401639209	BY778X LED280/NW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401639309	BY778X LED280/CW SIA WB	EBR	1 thiết bị
911401639409	BY778X LED280/CW SIA NB	EBR	1 thiết bị
911401620609	BY778P LED100/NW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401620709	BY778P LED100/NW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401620809	BY778P LED100/CW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401620909	BY778P LED100/CW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401621009	BY778P LED150/NW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401621109	BY778P LED150/NW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401621209	BY778P LED150/CW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401621309	BY778P LED150/CW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401621409	BY778P LED200/NW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401621509	BY778P LED200/NW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401621609	BY778P LED200/CW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401621709	BY778P LED200/CW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401621809	BY778P LED250/NW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401621909	BY778P LED250/NW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401622009	BY778P LED250/CW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401622109	BY778P LED250/CW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401622209	BY778P LED300/NW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401622309	BY778P LED300/NW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401622409	BY778P LED300/CW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401622509	BY778P LED300/CW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401622609	BY778P LED350/NW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401622709	BY778P LED350/NW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401622809	BY778P LED350/CW PSU WB	EBR	1 thiết bị

Order Code	Full Product Name	Bộ điều khiển	Số lượng bộ điều khiển
911401622909	BY778P LED350/CW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401623009	BY778P LED400/NW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401623109	BY778P LED400/NW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401623209	BY778P LED400/CW PSU WB	EBR	1 thiết bị
911401623309	BY778P LED400/CW PSU NB	EBR	1 thiết bị
911401626209	BY778P LED100/NW PSD WB	EBD	1 thiết bị
911401626309	BY778P LED100/NW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401626409	BY778P LED100/CW PSD WB	EBD	1 thiết bị
911401626509	BY778P LED100/CW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401626609	BY778P LED150/NW PSD WB	EBD	1 thiết bị
911401626709	BY778P LED150/NW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401626809	BY778P LED150/CW PSD WB	EBD	1 thiết bị
911401626909	BY778P LED150/CW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401627009	BY778P LED200/NW PSD WB	EBD	1 thiết bị
911401627109	BY778P LED200/NW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401627209	BY778P LED200/CW PSD WB	EBD	1 thiết bị
911401627309	BY778P LED200/CW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401627409	BY778P LED250/NW PSD WB	EBD	1 thiết bị
911401627509	BY778P LED250/NW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401627609	BY778P LED250/CW PSD WB	EBD	1 thiết bị
911401627709	BY778P LED250/CW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401628209	BY778P LED350/NW PSD WB	EBD	2 thiết bị
911401628309	BY778P LED350/NW PSD NB	EBD	2 thiết bị
911401628409	BY778P LED350/CW PSD WB	EBD	2 thiết bị
911401628509	BY778P LED350/CW PSD NB	EBD	2 thiết bị
911401628609	BY778P LED400/NW PSD WB	EBD	2 thiết bị
911401628709	BY778P LED400/NW PSD NB	EBD	2 thiết bị
911401628809	BY778P LED400/CW PSD WB	EBD	2 thiết bị
911401628909	BY778P LED400/CW PSD NB	EBD	2 thiết bị
911401638309	BY778P LED280/CW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401638509	BY778P LED280/CW PSD WB	EBD	1 thiết bị
911401638709	BY778P LED280/NW PSD NB	EBD	1 thiết bị
911401638909	BY778P LED280/NW PSD WB	EBD	1 thiết bị

Thông tin kỹ thuật về đèn (1/2)

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu của nguồn sáng	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
911401631809	BY778X LED100/NW SIA WB	90 °	4000 K	182 lm/W	10.000 lm
911401631909	BY778X LED100/NW SIA NB	55 °	4000 K	182 lm/W	10.000 lm
911401632009	BY778X LED100/CW SIA WB	90 °	6500 K	182 lm/W	10.000 lm
911401632109	BY778X LED100/CW SIA NB	55 °	6500 K	182 lm/W	10.000 lm

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu của nguồn sáng	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
911401632209	BY778X LED150/NW SIA WB	90 °	4000 K	183 lm/W	15.000 lm
911401632309	BY778X LED150/NW SIA NB	55 °	4000 K	183 lm/W	15.000 lm
911401632409	BY778X LED150/CW SIA WB	90 °	6500 K	183 lm/W	15.000 lm
911401632509	BY778X LED150/CW SIA NB	55 °	6500 K	183 lm/W	15.000 lm

GreenPerform Elite Highbay G2

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan			
		Góc chiếu của nguồn sáng	(Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
911401632609	BY778X LED200/NW SIA WB	90 °	4000 K	182 lm/W	20.000 lm
911401632709	BY778X LED200/NW SIA NB	55 °	4000 K	182 lm/W	20.000 lm
911401632809	BY778X LED200/CW SIA WB	90 °	6500 K	182 lm/W	20.000 lm
911401632909	BY778X LED200/CW SIA NB	55 °	6500 K	182 lm/W	20.000 lm
911401633009	BY778X LED250/NW SIA WB	90 °	4000 K	182 lm/W	25.000 lm
911401633109	BY778X LED250/NW SIA NB	55 °	4000 K	182 lm/W	25.000 lm
911401633209	BY778X LED250/CW SIA WB	90 °	6500 K	182 lm/W	25.000 lm
911401633309	BY778X LED250/CW SIA NB	55 °	6500 K	182 lm/W	25.000 lm
911401633809	BY778X LED350/NW SIA WB	90 °	4000 K	179 lm/W	35.000 lm
911401633909	BY778X LED350/NW SIA NB	55 °	4000 K	179 lm/W	35.000 lm
911401634009	BY778X LED350/CW SIA WB	90 °	6500 K	179 lm/W	35.000 lm
911401634109	BY778X LED350/CW SIA NB	55 °	6500 K	179 lm/W	35.000 lm
911401634209	BY778X LED400/NW SIA WB	90 °	4000 K	180 lm/W	40.000 lm
911401634309	BY778X LED400/NW SIA NB	55 °	4000 K	180 lm/W	40.000 lm
911401634409	BY778X LED400/CW SIA WB	90 °	6500 K	180 lm/W	40.000 lm
911401634509	BY778X LED400/CW SIA NB	55 °	6500 K	180 lm/W	40.000 lm
911401639109	BY778X LED280/NW SIA WB	90 °	4000 K	183 lm/W	28.000 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan			
		Góc chiếu của nguồn sáng	(Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
911401639209	BY778X LED280/NW SIA NB	55 °	4000 K	183 lm/W	28.000 lm
911401639309	BY778X LED280/CW SIA WB	90 °	6500 K	183 lm/W	28.000 lm
911401639409	BY778X LED280/CW SIA NB	55 °	6500 K	183 lm/W	28.000 lm
911401620609	BY778P LED100/NW PSU WB	90 °	4000 K	196 lm/W	10.000 lm
911401620709	BY778P LED100/NW PSU NB	55 °	4000 K	196 lm/W	10.000 lm
911401620809	BY778P LED100/CW PSU WB	90 °	6500 K	196 lm/W	10.000 lm
911401620909	BY778P LED100/CW PSU NB	55 °	6500 K	196 lm/W	10.000 lm
911401621009	BY778P LED150/NW PSU WB	90 °	4000 K	192 lm/W	15.000 lm
911401621109	BY778P LED150/NW PSU NB	55 °	4000 K	192 lm/W	15.000 lm
911401621209	BY778P LED150/CW PSU WB	90 °	6500 K	192 lm/W	15.000 lm
911401621309	BY778P LED150/CW PSU NB	55 °	6500 K	192 lm/W	15.000 lm
911401621409	BY778P LED200/NW PSU WB	90 °	4000 K	190 lm/W	20.000 lm
911401621509	BY778P LED200/NW PSU NB	55 °	4000 K	190 lm/W	20.000 lm
911401621609	BY778P LED200/CW PSU WB	90 °	6500 K	190 lm/W	20.000 lm
911401621709	BY778P LED200/CW PSU NB	55 °	6500 K	190 lm/W	20.000 lm
911401621809	BY778P LED250/NW PSU WB	90 °	4000 K	192 lm/W	25.000 lm

GreenPerform Elite Highbay G2

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan			
		Góc chiếu của nguồn sáng	(Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
911401621909	BY778P LED250/NW PSU NB	55 °	4000 K	192 lm/W	25.000 lm
911401622009	BY778P LED250/CW PSU WB	90 °	6500 K	192 lm/W	25.000 lm
911401622109	BY778P LED250/CW PSU NB	55 °	6500 K	192 lm/W	25.000 lm
911401622209	BY778P LED300/NW PSU WB	90 °	4000 K	194 lm/W	30.000 lm
911401622309	BY778P LED300/NW PSU NB	55 °	4000 K	194 lm/W	30.000 lm
911401622409	BY778P LED300/CW PSU WB	90 °	6500 K	194 lm/W	30.000 lm
911401622509	BY778P LED300/CW PSU NB	55 °	6500 K	194 lm/W	30.000 lm
911401622609	BY778P LED350/NW PSU WB	90 °	4000 K	190 lm/W	35.000 lm
911401622709	BY778P LED350/NW PSU NB	55 °	4000 K	190 lm/W	35.000 lm
911401622809	BY778P LED350/CW PSU WB	90 °	6500 K	190 lm/W	35.000 lm
911401622909	BY778P LED350/CW PSU NB	55 °	6500 K	190 lm/W	35.000 lm
911401623009	BY778P LED400/NW PSU WB	90 °	4000 K	190 lm/W	40.000 lm
911401623109	BY778P LED400/NW PSU NB	55 °	4000 K	190 lm/W	40.000 lm
911401623209	BY778P LED400/CW PSU WB	90 °	6500 K	190 lm/W	40.000 lm
911401623309	BY778P LED400/CW PSU NB	55 °	6500 K	190 lm/W	40.000 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan			
		Góc chiếu của nguồn sáng	(Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
911401626209	BY778P LED100/NW PSD WB	90 °	4000 K	182 lm/W	10.000 lm
911401626309	BY778P LED100/NW PSD NB	55 °	4000 K	182 lm/W	10.000 lm
911401626409	BY778P LED100/CW PSD WB	90 °	6500 K	182 lm/W	10.000 lm
911401626509	BY778P LED100/CW PSD NB	55 °	6500 K	182 lm/W	10.000 lm
911401626609	BY778P LED150/NW PSD WB	90 °	4000 K	183 lm/W	15.000 lm
911401626709	BY778P LED150/NW PSD NB	55 °	4000 K	183 lm/W	15.000 lm
911401626809	BY778P LED150/CW PSD WB	90 °	6500 K	183 lm/W	15.000 lm
911401626909	BY778P LED150/CW PSD NB	55 °	6500 K	183 lm/W	15.000 lm
911401627009	BY778P LED200/NW PSD WB	90 °	4000 K	182 lm/W	20.000 lm
911401627109	BY778P LED200/NW PSD NB	55 °	4000 K	182 lm/W	20.000 lm
911401627209	BY778P LED200/CW PSD WB	90 °	6500 K	182 lm/W	20.000 lm
911401627309	BY778P LED200/CW PSD NB	55 °	6500 K	182 lm/W	20.000 lm
911401627409	BY778P LED250/NW PSD WB	90 °	4000 K	182 lm/W	25.000 lm
911401627509	BY778P LED250/NW PSD NB	55 °	4000 K	182 lm/W	25.000 lm
911401627609	BY778P LED250/CW PSD WB	90 °	6500 K	182 lm/W	25.000 lm

GreenPerform Elite Highbay G2

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương		Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
		Góc chiếu của nguồn sáng	quan (Danh định)		
911401627709	BY778P LED250/CW PSD NB	55 °	6500 K	182 lm/W	25.000 lm
911401628209	BY778P LED350/NW PSD WB	90 °	4000 K	179 lm/W	35.000 lm
911401628309	BY778P LED350/NW PSD NB	55 °	4000 K	179 lm/W	35.000 lm
911401628409	BY778P LED350/CW PSD WB	90 °	6500 K	179 lm/W	35.000 lm
911401628509	BY778P LED350/CW PSD NB	55 °	6500 K	179 lm/W	35.000 lm
911401628609	BY778P LED400/NW PSD WB	90 °	4000 K	180 lm/W	40.000 lm
911401628709	BY778P LED400/NW PSD NB	55 °	4000 K	180 lm/W	40.000 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương		Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông
		Góc chiếu của nguồn sáng	quan (Danh định)		
911401628809	BY778P LED400/CW PSD WB	90 °	6500 K	180 lm/W	40.000 lm
911401628909	BY778P LED400/CW PSD NB	55 °	6500 K	180 lm/W	40.000 lm
911401638309	BY778P LED280/CW PSD NB	55 °	6500 K	183 lm/W	28.000 lm
911401638509	BY778P LED280/CW PSD WB	90 °	6500 K	183 lm/W	28.000 lm
911401638709	BY778P LED280/NW PSD NB	55 °	4000 K	183 lm/W	28.000 lm
911401638909	BY778P LED280/NW PSD WB	90 °	4000 K	183 lm/W	28.000 lm

Thông tin kỹ thuật về đèn (2/2)

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401631809	BY778X LED100/NW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401631909	BY778X LED100/NW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401632009	BY778X LED100/CW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401632109	BY778X LED100/CW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401632209	BY778X LED150/NW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401632309	BY778X LED150/NW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401632409	BY778X LED150/CW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401632509	BY778X LED150/CW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401632609	BY778X LED200/NW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401632709	BY778X LED200/NW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401632809	BY778X LED200/CW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401632909	BY778X LED200/CW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401633009	BY778X LED250/NW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401633109	BY778X LED250/NW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401633209	BY778X LED250/CW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401633309	BY778X LED250/CW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401633809	BY778X LED350/NW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401633909	BY778X LED350/NW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401634009	BY778X LED350/CW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401634109	BY778X LED350/CW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401634209	BY778X LED400/NW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401634309	BY778X LED400/NW SIA NB	Góc chiếu 55°

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401634409	BY778X LED400/CW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401634509	BY778X LED400/CW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401639109	BY778X LED280/NW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401639209	BY778X LED280/NW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401639309	BY778X LED280/CW SIA WB	Góc chiếu 90°
911401639409	BY778X LED280/CW SIA NB	Góc chiếu 55°
911401620609	BY778P LED100/NW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401620709	BY778P LED100/NW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401620809	BY778P LED100/CW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401620909	BY778P LED100/CW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401621009	BY778P LED150/NW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401621109	BY778P LED150/NW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401621209	BY778P LED150/CW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401621309	BY778P LED150/CW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401621409	BY778P LED200/NW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401621509	BY778P LED200/NW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401621609	BY778P LED200/CW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401621709	BY778P LED200/CW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401621809	BY778P LED250/NW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401621909	BY778P LED250/NW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401622009	BY778P LED250/CW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401622109	BY778P LED250/CW PSU NB	Góc chiếu 55°

GreenPerform Elite Highbay G2

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401622209	BY778P LED300/NW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401622309	BY778P LED300/NW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401622409	BY778P LED300/CW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401622509	BY778P LED300/CW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401622609	BY778P LED350/NW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401622709	BY778P LED350/NW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401622809	BY778P LED350/CW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401622909	BY778P LED350/CW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401623009	BY778P LED400/NW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401623109	BY778P LED400/NW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401623209	BY778P LED400/CW PSU WB	Góc chiếu 90°
911401623309	BY778P LED400/CW PSU NB	Góc chiếu 55°
911401626209	BY778P LED100/NW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401626309	BY778P LED100/NW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401626409	BY778P LED100/CW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401626509	BY778P LED100/CW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401626609	BY778P LED150/NW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401626709	BY778P LED150/NW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401626809	BY778P LED150/CW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401626909	BY778P LED150/CW PSD NB	Góc chiếu 55°

Order Code	Full Product Name	Loại chóa quang học
911401627009	BY778P LED200/NW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401627109	BY778P LED200/NW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401627209	BY778P LED200/CW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401627309	BY778P LED200/CW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401627409	BY778P LED250/NW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401627509	BY778P LED250/NW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401627609	BY778P LED250/CW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401627709	BY778P LED250/CW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401628209	BY778P LED350/NW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401628309	BY778P LED350/NW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401628409	BY778P LED350/CW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401628509	BY778P LED350/CW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401628609	BY778P LED400/NW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401628709	BY778P LED400/NW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401628809	BY778P LED400/CW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401628909	BY778P LED400/CW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401638309	BY778P LED280/CW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401638509	BY778P LED280/CW PSD WB	Góc chiếu 90°
911401638709	BY778P LED280/NW PSD NB	Góc chiếu 55°
911401638909	BY778P LED280/NW PSD WB	Góc chiếu 90°

Vận hành và điện

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401631809	BY778X LED100/NW SIA WB	220 đến 240 V	55 W
911401631909	BY778X LED100/NW SIA NB	220 đến 240 V	55 W
911401632009	BY778X LED100/CW SIA WB	220 đến 240 V	55 W
911401632109	BY778X LED100/CW SIA NB	220 đến 240 V	55 W
911401632209	BY778X LED150/NW SIA WB	220 đến 240 V	82 W
911401632309	BY778X LED150/NW SIA NB	220 đến 240 V	82 W
911401632409	BY778X LED150/CW SIA WB	220 đến 240 V	82 W
911401632509	BY778X LED150/CW SIA NB	220 đến 240 V	82 W
911401632609	BY778X LED200/NW SIA WB	220 đến 240 V	110 W
911401632709	BY778X LED200/NW SIA NB	220 đến 240 V	110 W
911401632809	BY778X LED200/CW SIA WB	220 đến 240 V	110 W
911401632909	BY778X LED200/CW SIA NB	220 đến 240 V	110 W
911401633009	BY778X LED250/NW SIA WB	220 đến 240 V	137 W
911401633109	BY778X LED250/NW SIA NB	220 đến 240 V	137 W
911401633209	BY778X LED250/CW SIA WB	220 đến 240 V	137 W
911401633309	BY778X LED250/CW SIA NB	220 đến 240 V	137 W
911401633809	BY778X LED350/NW SIA WB	220 đến 240 V	196 W
911401633909	BY778X LED350/NW SIA NB	220 đến 240 V	196 W
911401634009	BY778X LED350/CW SIA WB	220 đến 240 V	196 W
911401634109	BY778X LED350/CW SIA NB	220 đến 240 V	196 W
911401634209	BY778X LED400/NW SIA WB	220 đến 240 V	222 W
911401634309	BY778X LED400/NW SIA NB	220 đến 240 V	222 W
911401634409	BY778X LED400/CW SIA WB	220 đến 240 V	222 W
911401634509	BY778X LED400/CW SIA NB	220 đến 240 V	222 W
911401639109	BY778X LED280/NW SIA WB	220 đến 240 V	153 W
911401639209	BY778X LED280/NW SIA NB	220 đến 240 V	153 W
911401639309	BY778X LED280/CW SIA WB	220 đến 240 V	153 W
911401639409	BY778X LED280/CW SIA NB	220 đến 240 V	153 W

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401620609	BY778P LED100/NW PSU WB	200 đến 240 V	51 W
911401620709	BY778P LED100/NW PSU NB	200 đến 240 V	51 W
911401620809	BY778P LED100/CW PSU WB	200 đến 240 V	51 W
911401620909	BY778P LED100/CW PSU NB	200 đến 240 V	51 W
911401621009	BY778P LED150/NW PSU WB	200 đến 240 V	78 W
911401621109	BY778P LED150/NW PSU NB	200 đến 240 V	78 W
911401621209	BY778P LED150/CW PSU WB	200 đến 240 V	78 W
911401621309	BY778P LED150/CW PSU NB	200 đến 240 V	78 W
911401621409	BY778P LED200/NW PSU WB	200 đến 240 V	105 W
911401621509	BY778P LED200/NW PSU NB	200 đến 240 V	105 W
911401621609	BY778P LED200/CW PSU WB	200 đến 240 V	105 W
911401621709	BY778P LED200/CW PSU NB	200 đến 240 V	105 W
911401621809	BY778P LED250/NW PSU WB	200 đến 240 V	130 W
911401621909	BY778P LED250/NW PSU NB	200 đến 240 V	130 W
911401622009	BY778P LED250/CW PSU WB	200 đến 240 V	130 W
911401622109	BY778P LED250/CW PSU NB	200 đến 240 V	130 W
911401622209	BY778P LED300/NW PSU WB	200 đến 240 V	155 W
911401622309	BY778P LED300/NW PSU NB	200 đến 240 V	155 W
911401622409	BY778P LED300/CW PSU WB	200 đến 240 V	155 W
911401622509	BY778P LED300/CW PSU NB	200 đến 240 V	155 W
911401622609	BY778P LED350/NW PSU WB	200 đến 240 V	184 W
911401622709	BY778P LED350/NW PSU NB	200 đến 240 V	184 W
911401622809	BY778P LED350/CW PSU WB	200 đến 240 V	184 W
911401622909	BY778P LED350/CW PSU NB	200 đến 240 V	184 W
911401623009	BY778P LED400/NW PSU WB	200 đến 240 V	210 W
911401623109	BY778P LED400/NW PSU NB	200 đến 240 V	210 W
911401623209	BY778P LED400/CW PSU WB	200 đến 240 V	210 W
911401623309	BY778P LED400/CW PSU NB	200 đến 240 V	210 W

GreenPerform Elite Highbay G2

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401626209	BY778P LED100/NW PSD WB	220 đến 240 V	55 W
911401626309	BY778P LED100/NW PSD NB	220 đến 240 V	55 W
911401626409	BY778P LED100/CW PSD WB	220 đến 240 V	55 W
911401626509	BY778P LED100/CW PSD NB	220 đến 240 V	55 W
911401626609	BY778P LED150/NW PSD WB	220 đến 240 V	82 W
911401626709	BY778P LED150/NW PSD NB	220 đến 240 V	82 W
911401626809	BY778P LED150/CW PSD WB	220 đến 240 V	82 W
911401626909	BY778P LED150/CW PSD NB	220 đến 240 V	82 W
911401627009	BY778P LED200/NW PSD WB	220 đến 240 V	110 W
911401627109	BY778P LED200/NW PSD NB	220 đến 240 V	110 W
911401627209	BY778P LED200/CW PSD WB	220 đến 240 V	110 W
911401627309	BY778P LED200/CW PSD NB	220 đến 240 V	110 W
911401627409	BY778P LED250/NW PSD WB	220 đến 240 V	137 W
911401627509	BY778P LED250/NW PSD NB	220 đến 240 V	137 W

Order Code	Full Product Name	Điện áp đầu vào	Mức tiêu thụ điện
911401627609	BY778P LED250/CW PSD WB	220 đến 240 V	137 W
911401627709	BY778P LED250/CW PSD NB	220 đến 240 V	137 W
911401628209	BY778P LED350/NW PSD WB	220 đến 240 V	196 W
911401628309	BY778P LED350/NW PSD NB	220 đến 240 V	196 W
911401628409	BY778P LED350/CW PSD WB	220 đến 240 V	196 W
911401628509	BY778P LED350/CW PSD NB	220 đến 240 V	196 W
911401628609	BY778P LED400/NW PSD WB	220 đến 240 V	222 W
911401628709	BY778P LED400/NW PSD NB	220 đến 240 V	222 W
911401628809	BY778P LED400/CW PSD WB	220 đến 240 V	222 W
911401628909	BY778P LED400/CW PSD NB	220 đến 240 V	222 W
911401638309	BY778P LED280/CW PSD NB	220 đến 240 V	153 W
911401638509	BY778P LED280/CW PSD WB	220 đến 240 V	153 W
911401638709	BY778P LED280/NW PSD NB	220 đến 240 V	153 W
911401638909	BY778P LED280/NW PSD WB	220 đến 240 V	153 W

Điều khiển và điều chỉnh độ sáng

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ	
		sáng	Độ mờ tối đa
911401631809	BY778X LED100/NW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401631909	BY778X LED100/NW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632009	BY778X LED100/CW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632109	BY778X LED100/CW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632209	BY778X LED150/NW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632309	BY778X LED150/NW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632409	BY778X LED150/CW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632509	BY778X LED150/CW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632609	BY778X LED200/NW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632709	BY778X LED200/NW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632809	BY778X LED200/CW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401632909	BY778X LED200/CW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401633009	BY778X LED250/NW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401633109	BY778X LED250/NW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401633209	BY778X LED250/CW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401633309	BY778X LED250/CW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ	
		sáng	Độ mờ tối đa
911401633809	BY778X LED350/NW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401633909	BY778X LED350/NW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401634009	BY778X LED350/CW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401634109	BY778X LED350/CW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401634209	BY778X LED400/NW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401634309	BY778X LED400/NW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401634409	BY778X LED400/CW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401634509	BY778X LED400/CW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401639109	BY778X LED280/NW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401639209	BY778X LED280/NW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401639309	BY778X LED280/CW SIA WB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401639409	BY778X LED280/CW SIA NB	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401620609	BY778P LED100/NW PSU WB	-	Không áp dụng
911401620709	BY778P LED100/NW PSU NB	-	Không áp dụng
911401620809	BY778P LED100/CW PSU WB	-	Không áp dụng
911401620909	BY778P LED100/CW PSU NB	-	Không áp dụng
911401621009	BY778P LED150/NW PSU WB	-	Không áp dụng
911401621109	BY778P LED150/NW PSU NB	-	Không áp dụng
911401621209	BY778P LED150/CW PSU WB	-	Không áp dụng
911401621309	BY778P LED150/CW PSU NB	-	Không áp dụng
911401621409	BY778P LED200/NW PSU WB	-	Không áp dụng

GreenPerform Elite Highbay G2

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ	
		sáng	Độ mờ tối đa
911401621509	BY778P LED200/NW PSU NB	-	Không áp dụng
911401621609	BY778P LED200/CW PSU WB	-	Không áp dụng
911401621709	BY778P LED200/CW PSU NB	-	Không áp dụng
911401621809	BY778P LED250/NW PSU WB	-	Không áp dụng
911401621909	BY778P LED250/NW PSU NB	-	Không áp dụng
911401622009	BY778P LED250/CW PSU WB	-	Không áp dụng
911401622109	BY778P LED250/CW PSU NB	-	Không áp dụng
911401622209	BY778P LED300/NW PSU WB	-	Không áp dụng
911401622309	BY778P LED300/NW PSU NB	-	Không áp dụng
911401622409	BY778P LED300/CW PSU WB	-	Không áp dụng
911401622509	BY778P LED300/CW PSU NB	-	Không áp dụng
911401622609	BY778P LED350/NW PSU WB	-	Không áp dụng
911401622709	BY778P LED350/NW PSU NB	-	Không áp dụng
911401622809	BY778P LED350/CW PSU WB	-	Không áp dụng
911401622909	BY778P LED350/CW PSU NB	-	Không áp dụng
911401623009	BY778P LED400/NW PSU WB	-	Không áp dụng
911401623109	BY778P LED400/NW PSU NB	-	Không áp dụng
911401623209	BY778P LED400/CW PSU WB	-	Không áp dụng
911401623309	BY778P LED400/CW PSU NB	-	Không áp dụng
911401626209	BY778P LED100/NW PSD WB	DALI	20%
911401626309	BY778P LED100/NW PSD NB	DALI	20%
911401626409	BY778P LED100/CW PSD WB	DALI	20%
911401626509	BY778P LED100/CW PSD NB	DALI	20%
911401626609	BY778P LED150/NW PSD WB	DALI	20%

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ	
		sáng	Độ mờ tối đa
911401626709	BY778P LED150/NW PSD NB	DALI	20%
911401626809	BY778P LED150/CW PSD WB	DALI	20%
911401626909	BY778P LED150/CW PSD NB	DALI	20%
911401627009	BY778P LED200/NW PSD WB	DALI	20%
911401627109	BY778P LED200/NW PSD NB	DALI	20%
911401627209	BY778P LED200/CW PSD WB	DALI	20%
911401627309	BY778P LED200/CW PSD NB	DALI	20%
911401627409	BY778P LED250/NW PSD WB	DALI	20%
911401627509	BY778P LED250/NW PSD NB	DALI	20%
911401627609	BY778P LED250/CW PSD WB	DALI	20%
911401627709	BY778P LED250/CW PSD NB	DALI	20%
911401628209	BY778P LED350/NW PSD WB	DALI	20%
911401628309	BY778P LED350/NW PSD NB	DALI	20%
911401628409	BY778P LED350/CW PSD WB	DALI	20%
911401628509	BY778P LED350/CW PSD NB	DALI	20%
911401628609	BY778P LED400/NW PSD WB	DALI	20%
911401628709	BY778P LED400/NW PSD NB	DALI	20%
911401628809	BY778P LED400/CW PSD WB	DALI	20%
911401628909	BY778P LED400/CW PSD NB	DALI	20%
911401638309	BY778P LED280/CW PSD NB	DALI	20%
911401638509	BY778P LED280/CW PSD WB	DALI	20%
911401638709	BY778P LED280/NW PSD NB	DALI	20%
911401638909	BY778P LED280/NW PSD WB	DALI	20%

Cơ khí và vỏ đèn

Order Code	Full Product Name	Mã bảo vệ khỏi tác	Mã bảo vệ chống
		động cơ học	xâm nhập
911401631809	BY778X LED100/NW SIA WB	IK05	IP65
911401631909	BY778X LED100/NW SIA NB	IK05	IP65
911401632009	BY778X LED100/CW SIA WB	IK05	IP65
911401632109	BY778X LED100/CW SIA NB	IK05	IP65
911401632209	BY778X LED150/NW SIA WB	IK05	IP65
911401632309	BY778X LED150/NW SIA NB	IK05	IP65
911401632409	BY778X LED150/CW SIA WB	IK05	IP65
911401632509	BY778X LED150/CW SIA NB	IK05	IP65
911401632609	BY778X LED200/NW SIA WB	IK05	IP65
911401632709	BY778X LED200/NW SIA NB	IK05	IP65
911401632809	BY778X LED200/CW SIA WB	IK05	IP65
911401632909	BY778X LED200/CW SIA NB	IK05	IP65
911401633009	BY778X LED250/NW SIA WB	IK05	IP65
911401633109	BY778X LED250/NW SIA NB	IK05	IP65
911401633209	BY778X LED250/CW SIA WB	IK05	IP65
911401633309	BY778X LED250/CW SIA NB	IK05	IP65
911401633809	BY778X LED350/NW SIA WB	IK05	IP65
911401633909	BY778X LED350/NW SIA NB	IK05	IP65
911401634009	BY778X LED350/CW SIA WB	IK05	IP65
911401634109	BY778X LED350/CW SIA NB	IK05	IP65
911401634209	BY778X LED400/NW SIA WB	IK05	IP65
911401634309	BY778X LED400/NW SIA NB	IK05	IP65

Order Code	Full Product Name	Mã bảo vệ khỏi tác	Mã bảo vệ chống
		động cơ học	xâm nhập
911401634409	BY778X LED400/CW SIA WB	IK05	IP65
911401634509	BY778X LED400/CW SIA NB	IK05	IP65
911401639109	BY778X LED280/NW SIA WB	IK05	IP65
911401639209	BY778X LED280/NW SIA NB	IK05	IP65
911401639309	BY778X LED280/CW SIA WB	IK05	IP65
911401639409	BY778X LED280/CW SIA NB	IK05	IP65
911401620609	BY778P LED100/NW PSU WB	IK08	IP66
911401620709	BY778P LED100/NW PSU NB	IK08	IP66
911401620809	BY778P LED100/CW PSU WB	IK08	IP66
911401620909	BY778P LED100/CW PSU NB	IK08	IP66
911401621009	BY778P LED150/NW PSU WB	IK08	IP66
911401621109	BY778P LED150/NW PSU NB	IK08	IP66
911401621209	BY778P LED150/CW PSU WB	IK08	IP66
911401621309	BY778P LED150/CW PSU NB	IK08	IP66
911401621409	BY778P LED200/NW PSU WB	IK08	IP66
911401621509	BY778P LED200/NW PSU NB	IK08	IP66
911401621609	BY778P LED200/CW PSU WB	IK08	IP66
911401621709	BY778P LED200/CW PSU NB	IK08	IP66
911401621809	BY778P LED250/NW PSU WB	IK08	IP66
911401621909	BY778P LED250/NW PSU NB	IK08	IP66
911401622009	BY778P LED250/CW PSU WB	IK08	IP66
911401622109	BY778P LED250/CW PSU NB	IK08	IP66

GreenPerform Elite Highbay G2

Order Code	Full Product Name	Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401622209	BY778P LED300/NW PSU WB	IK08	IP66
911401622309	BY778P LED300/NW PSU NB	IK08	IP66
911401622409	BY778P LED300/CW PSU WB	IK08	IP66
911401622509	BY778P LED300/CW PSU NB	IK08	IP66
911401622609	BY778P LED350/NW PSU WB	IK08	IP66
911401622709	BY778P LED350/NW PSU NB	IK08	IP66
911401622809	BY778P LED350/CW PSU WB	IK08	IP66
911401622909	BY778P LED350/CW PSU NB	IK08	IP66
911401623009	BY778P LED400/NW PSU WB	IK08	IP66
911401623109	BY778P LED400/NW PSU NB	IK08	IP66
911401623209	BY778P LED400/CW PSU WB	IK08	IP66
911401623309	BY778P LED400/CW PSU NB	IK08	IP66
911401626209	BY778P LED100/NW PSD WB	IK08	IP66
911401626309	BY778P LED100/NW PSD NB	IK08	IP66
911401626409	BY778P LED100/CW PSD WB	IK08	IP66
911401626509	BY778P LED100/CW PSD NB	IK08	IP66
911401626609	BY778P LED150/NW PSD WB	IK08	IP66
911401626709	BY778P LED150/NW PSD NB	IK08	IP66
911401626809	BY778P LED150/CW PSD WB	IK08	IP66
911401626909	BY778P LED150/CW PSD NB	IK08	IP66

Order Code	Full Product Name	Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401627009	BY778P LED200/NW PSD WB	IK08	IP66
911401627109	BY778P LED200/NW PSD NB	IK08	IP66
911401627209	BY778P LED200/CW PSD WB	IK08	IP66
911401627309	BY778P LED200/CW PSD NB	IK08	IP66
911401627409	BY778P LED250/NW PSD WB	IK08	IP66
911401627509	BY778P LED250/NW PSD NB	IK08	IP66
911401627609	BY778P LED250/CW PSD WB	IK08	IP66
911401627709	BY778P LED250/CW PSD NB	IK08	IP66
911401628209	BY778P LED350/NW PSD WB	IK08	IP66
911401628309	BY778P LED350/NW PSD NB	IK08	IP66
911401628409	BY778P LED350/CW PSD WB	IK08	IP66
911401628509	BY778P LED350/CW PSD NB	IK08	IP66
911401628609	BY778P LED400/NW PSD WB	IK08	IP66
911401628709	BY778P LED400/NW PSD NB	IK08	IP66
911401628809	BY778P LED400/CW PSD WB	IK08	IP66
911401628909	BY778P LED400/CW PSD NB	IK08	IP66
911401638309	BY778P LED280/CW PSD NB	IK08	IP66
911401638509	BY778P LED280/CW PSD WB	IK08	IP66
911401638709	BY778P LED280/NW PSD NB	IK08	IP66
911401638909	BY778P LED280/NW PSD WB	IK08	IP66

Phê duyệt và ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401631809	BY778X LED100/NW SIA WB	-30 đến +50°C
911401631909	BY778X LED100/NW SIA NB	-30 đến +50°C
911401632009	BY778X LED100/CW SIA WB	-30 đến +50°C
911401632109	BY778X LED100/CW SIA NB	-30 đến +50°C
911401632209	BY778X LED150/NW SIA WB	-30 đến +50°C
911401632309	BY778X LED150/NW SIA NB	-30 đến +50°C
911401632409	BY778X LED150/CW SIA WB	-30 đến +50°C
911401632509	BY778X LED150/CW SIA NB	-30 đến +50°C
911401632609	BY778X LED200/NW SIA WB	-30 đến +50°C
911401632709	BY778X LED200/NW SIA NB	-30 đến +50°C
911401632809	BY778X LED200/CW SIA WB	-30 đến +50°C
911401632909	BY778X LED200/CW SIA NB	-30 đến +50°C
911401633009	BY778X LED250/NW SIA WB	-30 đến +50°C
911401633109	BY778X LED250/NW SIA NB	-30 đến +50°C
911401633209	BY778X LED250/CW SIA WB	-30 đến +50°C
911401633309	BY778X LED250/CW SIA NB	-30 đến +50°C
911401633809	BY778X LED350/NW SIA WB	-30 đến +45°C
911401633909	BY778X LED350/NW SIA NB	-30 đến +45°C
911401634009	BY778X LED350/CW SIA WB	-30 đến +45°C
911401634109	BY778X LED350/CW SIA NB	-30 đến +45°C
911401634209	BY778X LED400/NW SIA WB	-30 đến +45°C
911401634309	BY778X LED400/NW SIA NB	-30 đến +45°C
911401634409	BY778X LED400/CW SIA WB	-30 đến +45°C
911401634509	BY778X LED400/CW SIA NB	-30 đến +45°C
911401639109	BY778X LED280/NW SIA WB	-30 đến +50°C
911401639209	BY778X LED280/NW SIA NB	-30 đến +50°C
911401639309	BY778X LED280/CW SIA WB	-30 đến +50°C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401639409	BY778X LED280/CW SIA NB	-30 đến +50°C
911401620609	BY778P LED100/NW PSU WB	-40 đến +50°C
911401620709	BY778P LED100/NW PSU NB	-40 đến +50°C
911401620809	BY778P LED100/CW PSU WB	-40 đến +50°C
911401620909	BY778P LED100/CW PSU NB	-40 đến +50°C
911401621009	BY778P LED150/NW PSU WB	-40 đến +50°C
911401621109	BY778P LED150/NW PSU NB	-40 đến +50°C
911401621209	BY778P LED150/CW PSU WB	-40 đến +50°C
911401621309	BY778P LED150/CW PSU NB	-40 đến +50°C
911401621409	BY778P LED200/NW PSU WB	-40 đến +50°C
911401621509	BY778P LED200/NW PSU NB	-40 đến +50°C
911401621609	BY778P LED200/CW PSU WB	-40 đến +50°C
911401621709	BY778P LED200/CW PSU NB	-40 đến +50°C
911401621809	BY778P LED250/NW PSU WB	-40 đến +50°C
911401621909	BY778P LED250/NW PSU NB	-40 đến +50°C
911401622009	BY778P LED250/CW PSU WB	-40 đến +50°C
911401622109	BY778P LED250/CW PSU NB	-40 đến +50°C
911401622209	BY778P LED300/NW PSU WB	-40 đến +50°C
911401622309	BY778P LED300/NW PSU NB	-40 đến +50°C
911401622409	BY778P LED300/CW PSU WB	-40 đến +50°C
911401622509	BY778P LED300/CW PSU NB	-40 đến +50°C
911401622609	BY778P LED350/NW PSU WB	-40 đến +50°C
911401622709	BY778P LED350/NW PSU NB	-40 đến +50°C
911401622809	BY778P LED350/CW PSU WB	-40 đến +50°C
911401622909	BY778P LED350/CW PSU NB	-40 đến +50°C
911401623009	BY778P LED400/NW PSU WB	-40 đến +50°C
911401623109	BY778P LED400/NW PSU NB	-40 đến +50°C

GreenPerform Elite Highbay G2

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401623209	BY778P LED400/CW PSU WB	-40 đến +50°C
911401623309	BY778P LED400/CW PSU NB	-40 đến +50°C
911401626209	BY778P LED100/NW PSD WB	-40 đến +50°C
911401626309	BY778P LED100/NW PSD NB	-40 đến +50°C
911401626409	BY778P LED100/CW PSD WB	-40 đến +50°C
911401626509	BY778P LED100/CW PSD NB	-40 đến +50°C
911401626609	BY778P LED150/NW PSD WB	-40 đến +50°C
911401626709	BY778P LED150/NW PSD NB	-40 đến +50°C
911401626809	BY778P LED150/CW PSD WB	-40 đến +50°C
911401626909	BY778P LED150/CW PSD NB	-40 đến +50°C
911401627009	BY778P LED200/NW PSD WB	-40 đến +50°C
911401627109	BY778P LED200/NW PSD NB	-40 đến +50°C
911401627209	BY778P LED200/CW PSD WB	-40 đến +50°C
911401627309	BY778P LED200/CW PSD NB	-40 đến +50°C
911401627409	BY778P LED250/NW PSD WB	-40 đến +50°C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép
911401627509	BY778P LED250/NW PSD NB	-40 đến +50°C
911401627609	BY778P LED250/CW PSD WB	-40 đến +50°C
911401627709	BY778P LED250/CW PSD NB	-40 đến +50°C
911401628209	BY778P LED350/NW PSD WB	-40 đến +50°C
911401628309	BY778P LED350/NW PSD NB	-40 đến +50°C
911401628409	BY778P LED350/CW PSD WB	-40 đến +50°C
911401628509	BY778P LED350/CW PSD NB	-40 đến +50°C
911401628609	BY778P LED400/NW PSD WB	-40 đến +50°C
911401628709	BY778P LED400/NW PSD NB	-40 đến +50°C
911401628809	BY778P LED400/CW PSD WB	-40 đến +50°C
911401628909	BY778P LED400/CW PSD NB	-40 đến +50°C
911401638309	BY778P LED280/CW PSD NB	-40 đến +50°C
911401638509	BY778P LED280/CW PSD WB	-40 đến +50°C
911401638709	BY778P LED280/NW PSD NB	-40 đến +50°C
911401638909	BY778P LED280/NW PSD WB	-40 đến +50°C

Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu
911401631809	BY778X LED100/NW SIA WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401631909	BY778X LED100/NW SIA NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401632009	BY778X LED100/CW SIA WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401632109	BY778X LED100/CW SIA NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401632209	BY778X LED150/NW SIA WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401632309	BY778X LED150/NW SIA NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401632409	BY778X LED150/CW SIA WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401632509	BY778X LED150/CW SIA NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401632609	BY778X LED200/NW SIA WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401632709	BY778X LED200/NW SIA NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401632809	BY778X LED200/CW SIA WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401632909	BY778X LED200/CW SIA NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401633009	BY778X LED250/NW SIA WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401633109	BY778X LED250/NW SIA NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401633209	BY778X LED250/CW SIA WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401633309	BY778X LED250/CW SIA NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401633809	BY778X LED350/NW SIA WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401633909	BY778X LED350/NW SIA NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401634009	BY778X LED350/CW SIA WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401634109	BY778X LED350/CW SIA NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401634209	BY778X LED400/NW SIA WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401634309	BY778X LED400/NW SIA NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401634409	BY778X LED400/CW SIA WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401634509	BY778X LED400/CW SIA NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401639109	BY778X LED280/NW SIA WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401639209	BY778X LED280/NW SIA NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401639309	BY778X LED280/CW SIA WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401639409	BY778X LED280/CW SIA NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401620609	BY778P LED100/NW PSU WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401620709	BY778P LED100/NW PSU NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401620809	BY778P LED100/CW PSU WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401620909	BY778P LED100/CW PSU NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401621009	BY778P LED150/NW PSU WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu
911401621109	BY778P LED150/NW PSU NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401621209	BY778P LED150/CW PSU WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401621309	BY778P LED150/CW PSU NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401621409	BY778P LED200/NW PSU WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401621509	BY778P LED200/NW PSU NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401621609	BY778P LED200/CW PSU WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401621709	BY778P LED200/CW PSU NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401621809	BY778P LED250/NW PSU WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401621909	BY778P LED250/NW PSU NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401622009	BY778P LED250/CW PSU WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401622109	BY778P LED250/CW PSU NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401622209	BY778P LED300/NW PSU WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401622309	BY778P LED300/NW PSU NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401622409	BY778P LED300/CW PSU WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401622509	BY778P LED300/CW PSU NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401622609	BY778P LED350/NW PSU WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401622709	BY778P LED350/NW PSU NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401622809	BY778P LED350/CW PSU WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401622909	BY778P LED350/CW PSU NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401623009	BY778P LED400/NW PSU WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401623109	BY778P LED400/NW PSU NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401623209	BY778P LED400/CW PSU WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401623309	BY778P LED400/CW PSU NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401626209	BY778P LED100/NW PSD WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401626309	BY778P LED100/NW PSD NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401626409	BY778P LED100/CW PSD WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401626509	BY778P LED100/CW PSD NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401626609	BY778P LED150/NW PSD WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401626709	BY778P LED150/NW PSD NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401626809	BY778P LED150/CW PSD WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401626909	BY778P LED150/CW PSD NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401627009	BY778P LED200/NW PSD WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401627109	BY778P LED200/NW PSD NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5

GreenPerform Elite Highbay G2

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu
911401627209	BY778P LED200/CW PSD WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401627309	BY778P LED200/CW PSD NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401627409	BY778P LED250/NW PSD WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401627509	BY778P LED250/NW PSD NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401627609	BY778P LED250/CW PSD WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401627709	BY778P LED250/CW PSD NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401628209	BY778P LED350/NW PSD WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401628309	BY778P LED350/NW PSD NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401628409	BY778P LED350/CW PSD WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu
911401628509	BY778P LED350/CW PSD NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401628609	BY778P LED400/NW PSD WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401628709	BY778P LED400/NW PSD NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401628809	BY778P LED400/CW PSD WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401628909	BY778P LED400/CW PSD NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401638309	BY778P LED280/CW PSD NB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401638509	BY778P LED280/CW PSD WB	(0.3123,0.3282) SDCM < 5
911401638709	BY778P LED280/NW PSD NB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5
911401638909	BY778P LED280/NW PSD WB	(0.3818,0.3797) SDCM < 5

